CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP

Ngày 30/09/2025	11,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.4%	**16.9%**	**11.4%**

DT thuần
Q3/25
367
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 192| 110%
YoY: ▲ 159| 76.4%

LN thuần
Q3/25
108
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 105| 3161%
YoY: ▲ 113| 2244%

LN sau thuế
Q3/25
85.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 84.5| 10297%
YoY: ▲ 86.8| 5860%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
29.7%
YoY: +/-▲ 28.8%

ROE (TTM)
Q3/25
2.3%
YoY: +/-▲ 1.9%

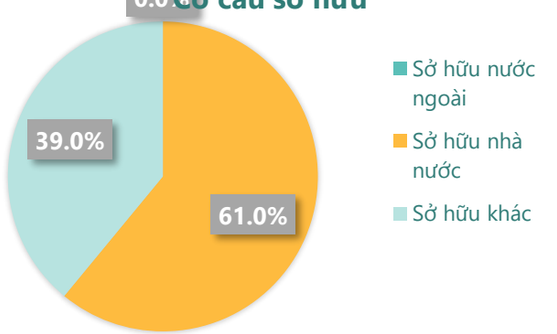
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,572 - 11,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,450
Số lượng CPLH (CP)	300,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,200
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.17
EPS	296
P/E	38.9

DT thuần
9T 2025
735
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 88.0| 13.5%

LN thuần
9T 2025
109
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 91.5| 526%

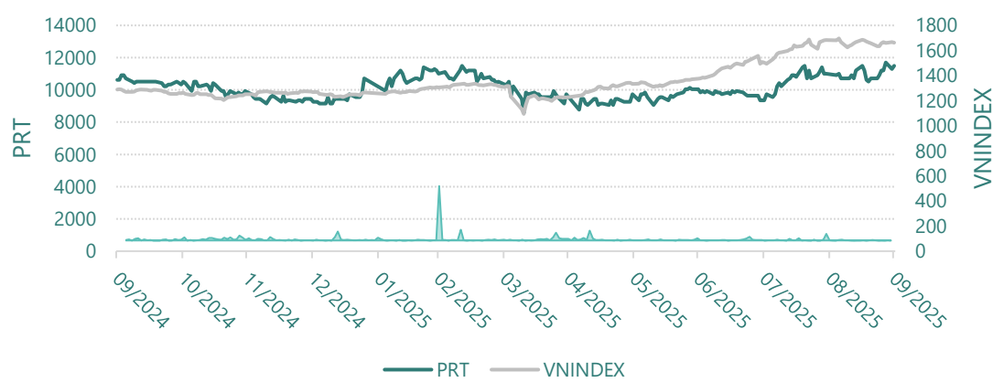
LN sau thuế
9T 2025
78.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 71.3| 1019%

Cơ cấu sở hữu

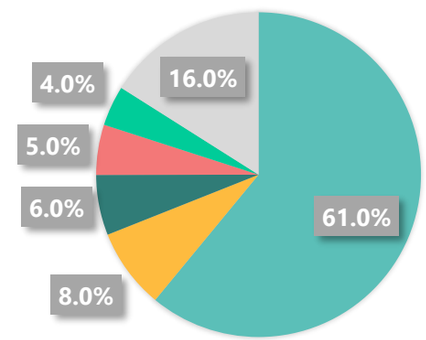


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

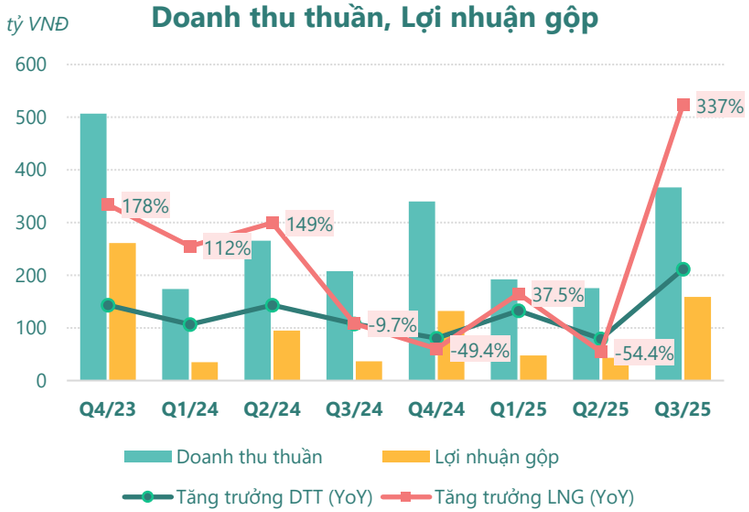


- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý dự án Bình Dương
- CTCP Sam Holdings
- CTCP Đầu tư U&I
- Trần Thị Thu Hà
- CTCP - Tổng Công Ty Nước - Môi Trường Bình Dương
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

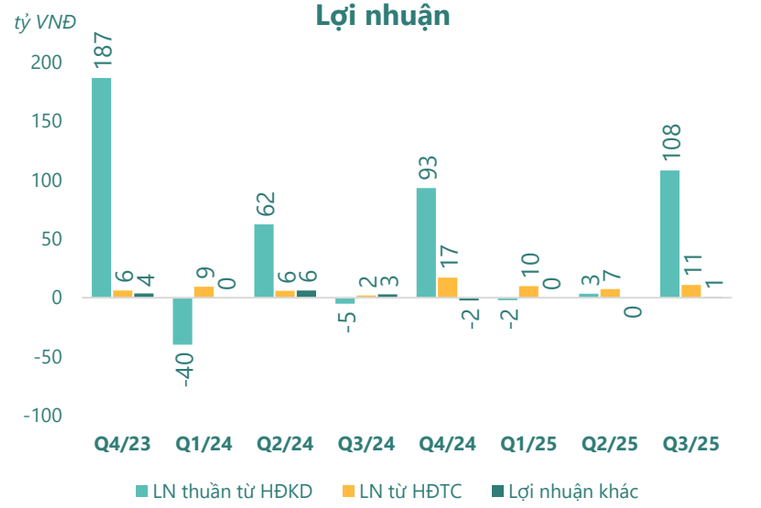
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



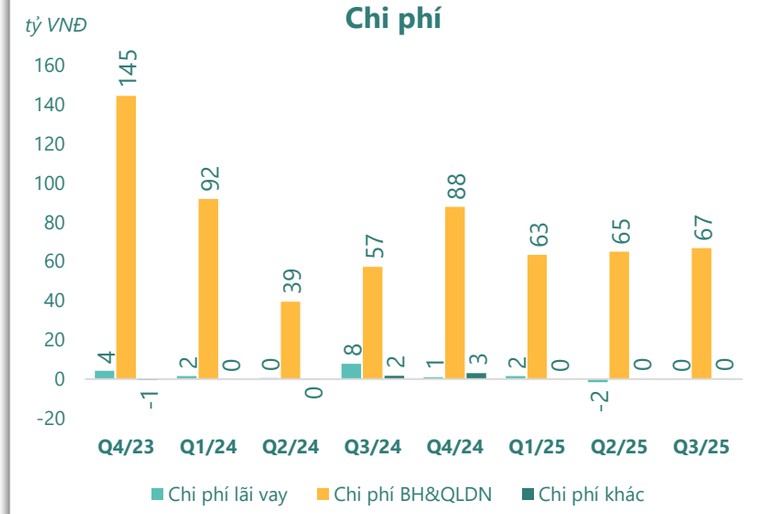
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



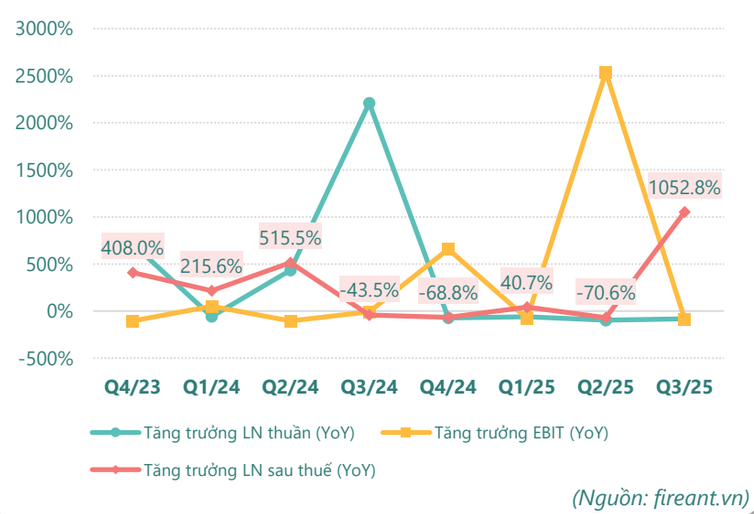
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



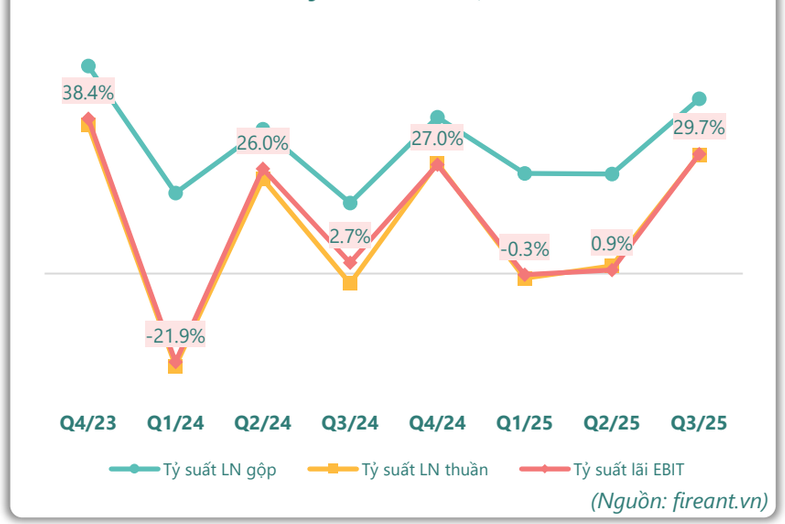
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



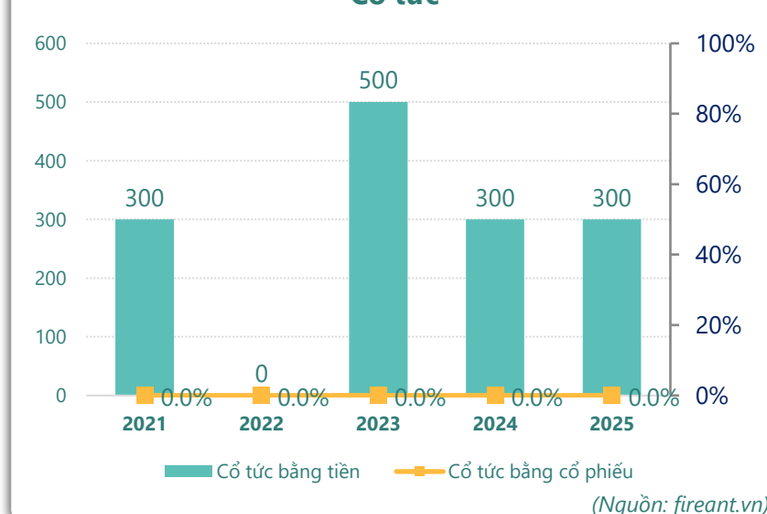
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

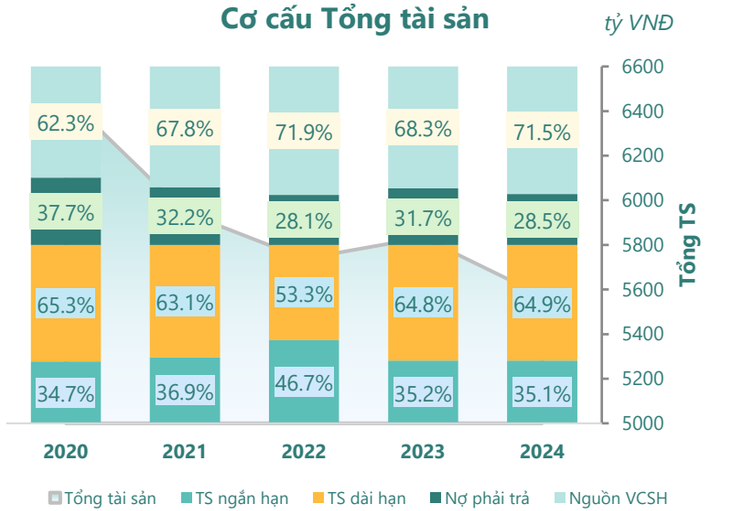
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

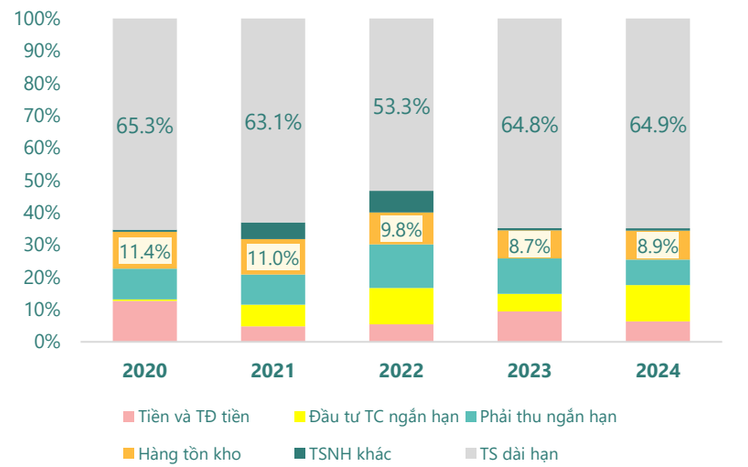
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



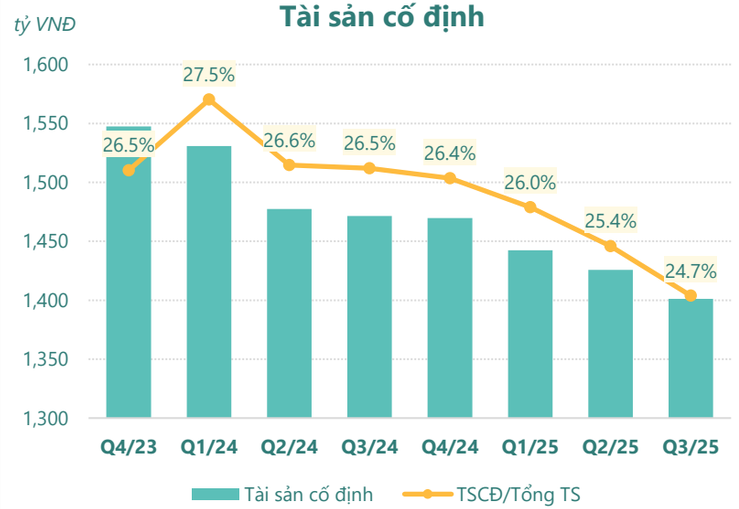
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



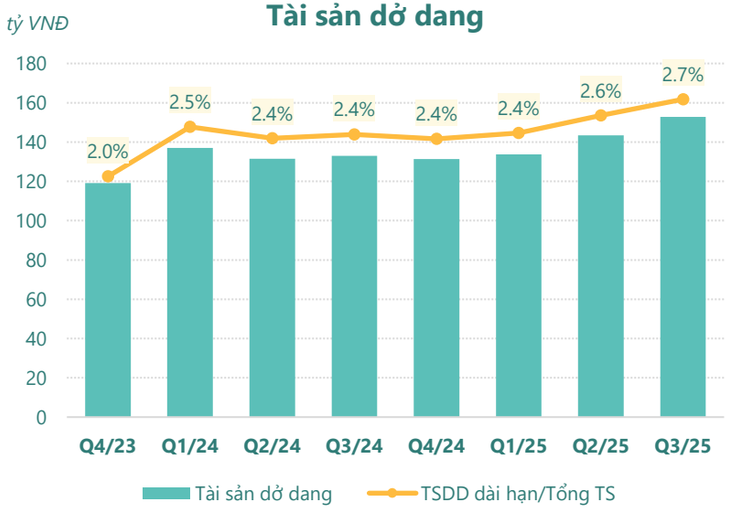
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



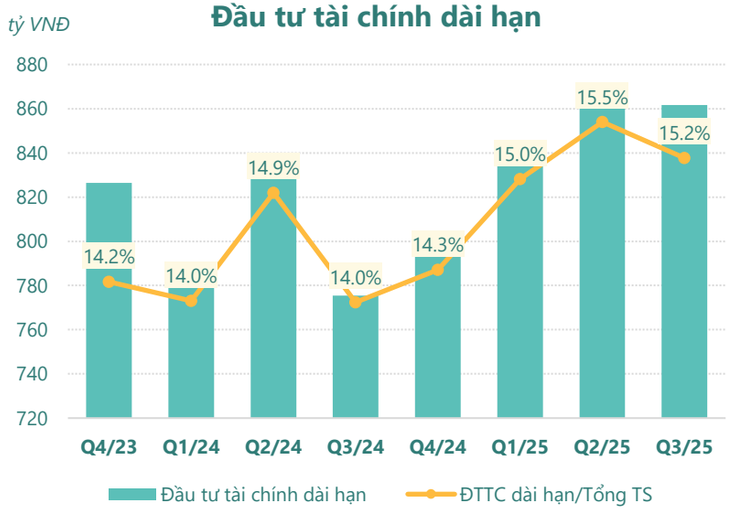
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



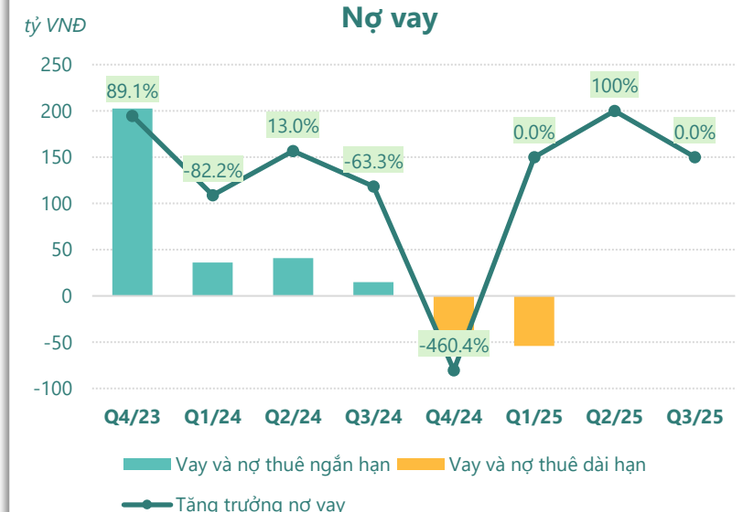
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

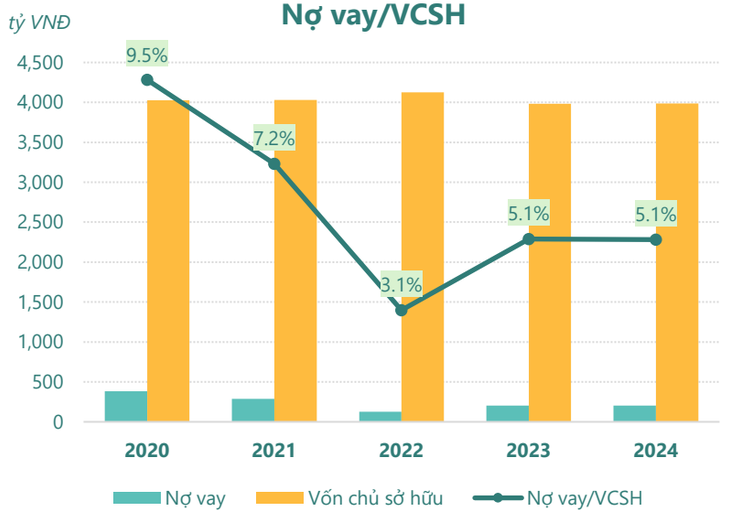
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

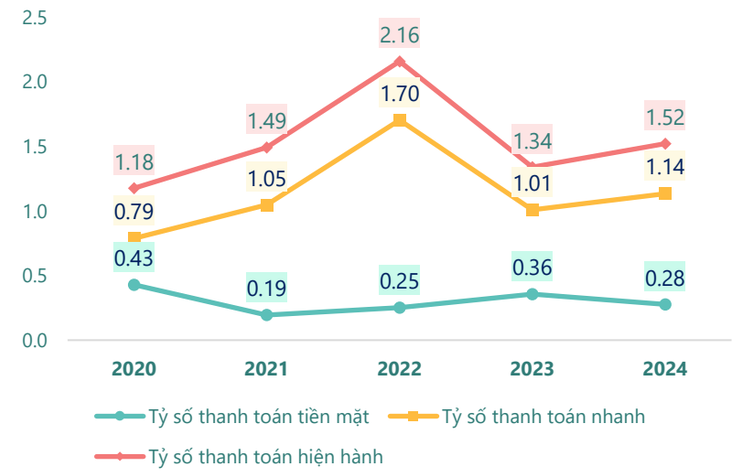
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



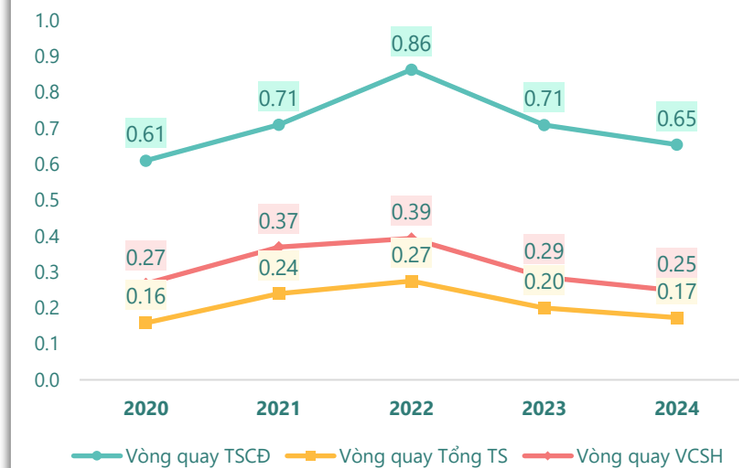
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



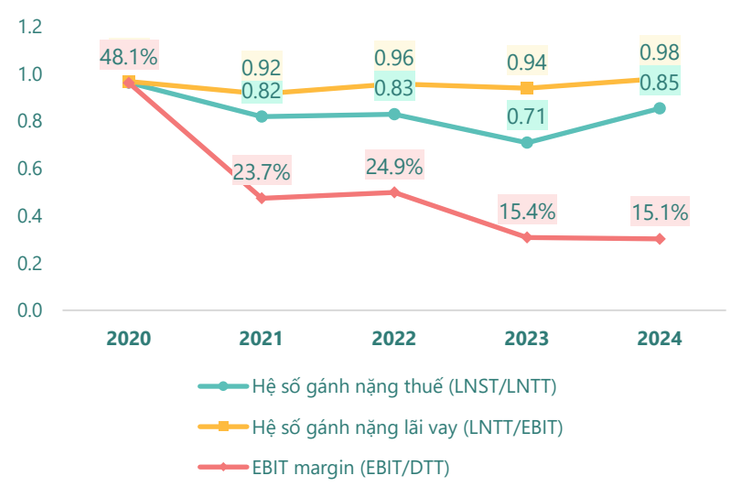
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



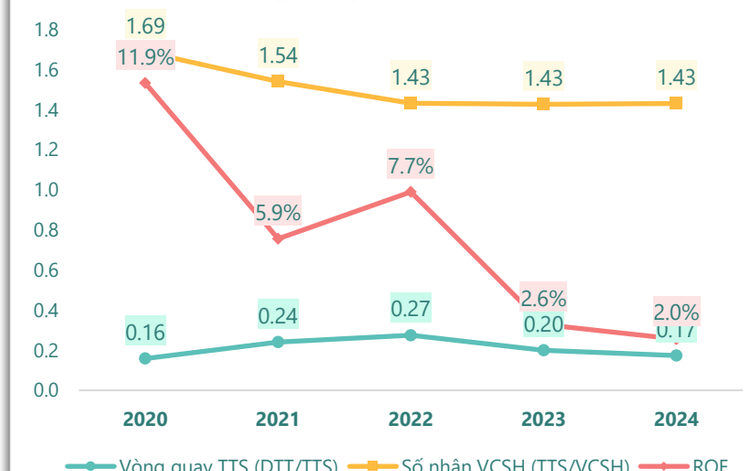
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



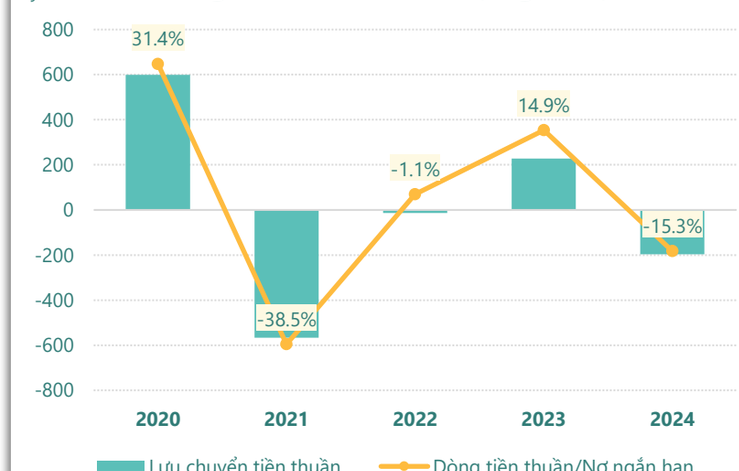
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**367**	**208**	**76.4%**	**735**	**647**	**13.5%**
Giá vốn hàng bán	208	172	20.8%	484	481	0.7%
Lợi nhuận gộp	159	36.4	337%	250	166	50.6%
Doanh thu HĐTC	13.0	22.8	-42.9%	36.5	43.6	-16.3%
Chi phí TC	2.25	20.8	-89.2%	8.50	26.6	-68.0%
Chi phí lãi vay	0	7.81	-100%	0	9.85	-100%
LN trong công ty LKLD	**5.20**	**13.9**	**-62.6%**	**26.3**	**22.9**	**14.8%**
Chi phí bán hàng	12.2	8.24	48.4%	24.5	24.8	-1.5%
Chi phí QLDN	**54.6**	**49.1**	**11.2%**	**171**	**164**	**4.2%**
LN thuần từ HĐKD	108	-5.05	2244%	109	17.5	526%
Lợi nhuận khác	**0.56**	**2.81**	**-80.2%**	**0.45**	**9.06**	**-95.0%**
LN trước thuế	109	-2.24	4958%	110	26.5	314%
Lợi nhuận sau thuế	**85.3**	**-1.48**	**5860%**	**78.3**	**7.00**	**1019%**
LNST của CĐ cty mẹ	**65.4**	**-6.65**	**1084%**	**48.9**	**1.09**	**4394%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	95.4	160	20.8	-2.24	-2.39	57.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-162	99.5	-57.2	-32.7	35.6	32.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.69	-116	-16.0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	315	239	405	355	323	362
Lưu chuyển tiền thuần	**-62.2**	**143**	**-52.4**	**-35.0**	**33.2**	**89.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	-13.0	22.0	2.53	2.87	6.27	-5.78
Tiền cuối kỳ	239	405	355	323	362	446

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,666**	**5,572**	**1.7%**
Tài sản ngắn hạn	2,127	1,958	8.7%
Tiền và tương đương tiền	446	355	25.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	621	622	-0.2%
Phải thu ngắn hạn	500	442	13.1%
Hàng tồn kho	514	498	3.2%
Tài sản ngắn hạn khác	46.5	40.5	14.9%
Tài sản dài hạn	**3,539**	**3,614**	**-2.1%**
Phải thu dài hạn	848	901	-5.9%
Tài sản cố định	1,401	1,469	-4.6%
Bất động sản đầu tư	184	187	-1.3%
Tài sản dở dang	153	131	16.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	862	833	3.5%
Tài sản dài hạn khác	**91.2**	**93.6**	**-2.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,716	1,586	8.2%
Nợ ngắn hạn	**1,418**	**1,286**	**10.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	17.3	25.4	-31.7%
Nợ dài hạn	298	300	-0.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	202	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,950**	**3,985**	**-0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**3,950**	**3,985**	**-0.9%**
Vốn điều lệ	3,000	3,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)